

Bản án số: 48/2025/DS-ST

Ngày 12-09-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyên

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel

2. Bà Nguyễn Bạch Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 201/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P2 (O).

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà H - A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn T (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt); ông Dương Thanh P, sinh năm: 1989 (vắng mặt) - chuyên viên thu hồi nợ hiện trường Ngân hàng thương mại cổ phần P2 (O) - Chi nhánh S. Địa chỉ: Số E đường T, phường P, Thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 15/03/2025)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Hải Y, sinh ngày: 16/03/1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E T, phường S, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/03/2025 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P2, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Văn T trình bày:

Bà Phạm Thị Hải Y (sau đây gọi tắt là “Khách hàng”) đã thỏa thuận ký kết Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số : 1072 ngày 24/11/2022 sau đây gọi chung là hợp đồng với Ngân hàng TMCP P2 (O) để vay vốn, chi tiết như sau: Số tiền vay: 20.000.000đồng, mục đích vay: Mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay: 30%/ năm, lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Dự nợ vay của bà Y tại OCB phát sinh từ Hợp đồng này tạm tính đến ngày 07/3/2025 là 57.535.986 đồng (trong đó, nợ gốc: 20.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 26.003.926 đồng; phí/phạt: 11.532.060 đồng). Sau khi ký kết Hợp đồng, OCB đã cấp hạn mức và thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, khoản vay của khách hàng đã quá hạn thanh toán từ ngày 17/10/2023, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng đã ký kết với OCB. OCB đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho OCB nhưng đến nay bà Y vẫn không thanh toán nợ vay cho O. Tổng nợ vay của bà Y tại OCB phát sinh từ Hợp đồng trên tạm tính đến ngày 07/03/2025 là 57.535.986 đồng (trong đó, nợ gốc: 20.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 26.003.926 đồng; phí/phạt: 11.532.060 đồng). Nay Ngân hàng TMCP P2 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị Hải Y trả ngay cho Ngân hàng TMCP P2 tổng số nợ của Hợp đồng tạm tính đến ngày 12/9/2025 là 65.262.356 đồng (trong đó, nợ gốc: 18.999.999 đồng; nợ lãi: 33.631.297 đồng; phí/phạt: 12.631.060 đồng). Buộc bà Phạm Thị Hải Y còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 13/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P2. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi có Quyết định/Bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Phạm Thị Hải Y từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/11/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có chữ ký và chữ viết tên Phạm Thị Hải Y. Bị đơn không phản đối những tình tiết sự kiện mà nguyên đơn đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 khởi kiện yêu cầu bị đơn Phạm Thị Hải Y. Địa chỉ: Số E T, phường S, Thành phố Cần Thơ thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/11/2022. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

[1.2] Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, ông Dương Thanh P và bị đơn bà Phạm Thị Hải Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Hải Y, ông Dương Thanh P.

[2] Về nội dung: Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị Hải Y có giao kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 24/11/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có chữ ký và chữ viết tên Phạm Thị Hải Y (các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng: 20.000.000đồng, mục đích vay: Mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, đại lý, nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay: 30%/ năm, lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn Theo đó, bà Y được mở hai thẻ 542172XXXXXX7577 và 970448XXXXXX0700. Sau khi nhận thẻ bà Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.999.999 đồng. Đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 1.621.926 đồng. Tuy nhiên từ ngày 15/7/2023 số thẻ 542172xxxxxx7577 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chấm dứt sử dụng thẻ vào ngày 15/7/2023. Số thẻ 970448xxxxxx0700 vi phạm ngày 05/04/2024 chấm dứt sử dụng ngày 05/04/2024. Số thẻ 542172xxxxxx7577 vốn gốc 18.999.999 đồng, lãi 32.911.536 đồng, phí 11.631.060 đồng; số thẻ 970448xxxxxx0700 vốn gốc 0 đồng, lãi 719.761 đồng, phí

1.000.000 đồng. Tổng cộng 2 thẻ là 65.262.356 đồng (vốn gốc 18.999.999 đồng; lãi 33.631.297 đồng; phí 12.631.060 đồng).

[3] Về tính hợp pháp của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/11/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thẻ tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[4] Ngân hàng thương mại cổ phần P2 đã kích hoạt thẻ (Giao thẻ và P1) với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng cho bà Y. Sau khi nhận thẻ bà Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.999.999 đồng. Đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 1.621.926 đồng. Tuy nhiên từ ngày 15/7/2023 số thẻ 542172xxxxxx7577 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chấm dứt sử dụng thẻ vào ngày 15/7/2023. Số thẻ 970448xxxxxx0700 vi phạm ngày 05/04/2024 chấm dứt sử dụng ngày 05/04/2024 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng căn cứ Điều 14 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Y và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà Y tại thời điểm này sang làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn và yêu cầu bà Y thanh toán toàn bộ số tiền vốn và lãi quá hạn tạm tính 12/9/2025 bà Y còn nợ Ngân hàng là 65.262.356 đồng (vốn gốc 18.999.999 đồng; lãi 33.631.297 đồng; phí 12.631.060 đồng) là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 15 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết, phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 thông tư Số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 cũng như phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Đồng thời, số tiền gốc và lãi nêu trên Ngân hàng đã tính đúng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 13 tháng 9 năm 2025 cho đến khi bà Y trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Bị đơn Phạm Thị Hải Y phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.263.118 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, các Điều 92; Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P2.

2. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Hải Y có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 65.262.356 đồng (vốn gốc 18.999.999 đồng; lãi 33.631.297 đồng; phí 12.631.060 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị Hải Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/11/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Phạm Thị Hải Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần P2.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.438.399 đồng theo biên lai thu số 0000339 ngày 15/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ).

Bị đơn Phạm Thị Hải Y phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.263.118 đồng.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSNDKV5-CT;
- Phòng THADS KV5-CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyên